

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

**LÊ SỸ DƯƠNG**

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ  
KHU HỆ CHIM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐẤT NGẬP  
NƯỚC VÂN LONG, TỈNH NINH BÌNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP**

**THÁI NGUYÊN - 2013**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

**LÊ SỸ DƯƠNG**

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ  
KHU HỆ CHIM TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐẤT NGẬP  
NƯỚC VÂN LONG, TỈNH NINH BÌNH**

**Chuyên ngành: Lâm Học  
Mã số: 60.62.02.01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**PGS.TS. Lê Sỹ Trung**

**THÁI NGUYÊN - 2013**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua hơn năm thập kỷ hình thành và phát triển, đến nay hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam gồm 165 khu rừng đặc dụng (bao gồm 30 vườn quốc gia, 57 khu dự trữ thiên nhiên, 13 khu bảo tồn loài, 45 khu rừng văn hóa, lịch sử, môi trường, 20 khu nghiên cứu thực nghiệm khoa học) và 03 khu bảo tồn biển chứa đựng các hệ sinh thái, cảnh quan đặc trưng với giá trị tiêu biểu cho hệ sinh thái trên cạn, đất ngập nước và trên biển đã và đang được xây dựng trên khắp các vùng miền cả nước[8]. Đây là những tài sản thiên nhiên quý báu không chỉ có giá trị trước mắt cho thế hệ hôm nay mà còn là di sản của nhân loại mai sau.

Trong những năm qua, với sự nỗ lực mọi mặt của các ngành, các cấp và sự hỗ trợ quốc tế trong công tác bảo tồn thiên nhiên, nhất là trong những năm đổi mới của đất nước, quá trình điều tra, giám sát đa dạng sinh học, đề xuất các giải pháp bảo tồn thiên nhiên tại các KBT thiên nhiên Việt Nam đã và đang tiếp cận, trao đổi kinh nghiệm, hài hòa với những thông lệ, tiêu chí quản lý bảo tồn thiên nhiên quốc tế. Tuy vậy mỗi một khu rừng đặc dụng có những đặc điểm đặc trưng riêng biệt, nhưng thường có đặc điểm chung là địa hình hiểm trở khó đi lại, kinh tế xã hội chưa phát triển. Đặc điểm này đã gây ra không ít khó khăn và trở ngại cho công tác quản lý các khu rừng đặc dụng nói chung và bảo tồn đa dạng sinh học nói riêng ở nước ta.

Khu BTTN đất ngập nước Vân Long được thành lập theo Quyết định số: 2888/QĐ-UBND ngày 18/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, có tổng diện tích là 2.736ha, nằm trên địa bàn 7 xã của huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình bao gồm các xã Gia Hưng, Liên Sơn, Gia Hòa, Gia Vân, Gia Lập, Gia Tân và Gia Thanh. Đây là nơi còn giữ được nguyên vẹn nhiều diện tích rừng núi đá vôi tự nhiên với nhiều loài cây quý hiếm được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam[19].

Với kiểu hình ô trũng giữa các dòng sông, là một trong những ô trũng lớn nhất của tỉnh Ninh Bình, nằm về phía Đông Nam của châu thổ đồng bằng Bắc Bộ. Các dãy núi đá vôi chiếm gần hết diện tích khu bảo tồn, chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam, kéo dài từ Hòa Bình qua Lạc Thủy về Gia Viễn. Khối núi đá vôi có độ cao trung bình khoảng 200 mét, đỉnh cao nhất xấp xỉ 500m so với mực nước biển và được bao bọc xung quanh bởi vùng đất ngập nước và vùng hồ nông có thảm thực vật ngập nước. Tính đa dạng sinh học của khu bảo tồn là sự phong phú về sinh cảnh và hệ động, thực vật. Đây là nơi sinh sống của cộng đồng người kinh địa phương và dân di cư từ Hòa Bình xuống, trình độ dân trí chưa cao, thu nhập chủ yếu bằng trồng trọt, chăn nuôi, thu hái lâm sản ngoài gỗ... Nguồn sống của các hộ gia đình ít nhiều còn dựa vào rừng.

Những đặc điểm trên đã chứa ẩn rất nhiều nguy cơ, thách thức công tác quản lý KBT Vân Long nói riêng và các khu rừng đặc dụng trên phạm vi toàn tỉnh Ninh Bình nói chung, lực lượng cán bộ quản lý lâm nghiệp mỏng, trình độ hiểu biết về đa dạng sinh học cũng như tổ chức quản lý còn nhiều hạn chế, kinh phí đầu tư cho công tác bảo tồn thiên nhiên, điều tra đa dạng sinh học chưa được thỏa đáng điều này dẫn đến tình trạng thiếu cơ sở dữ liệu khoa học về đa dạng sinh học loài cũng như đa dạng hệ sinh thái tại khu bảo tồn gây khó khăn, cản trở cho công tác quy hoạch, quản lý, bảo vệ bền vững. Xuất phát từ những lý do trên đề tài "***Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo vệ khu hệ chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, tỉnh Ninh Bình***" được tiến hành.

## **2. Mục tiêu của đề tài**

- Đánh giá được tính đa dạng sinh học khu hệ chim về sinh cảnh, thành phần loài, tình trạng bảo vệ, bảo tồn tại khu BTTN đất ngập nước Vân Long.
- Xây dựng được danh lục các loài chim tại khu BTTN đất ngập nước Vân Long .
- Xác định được nguyên nhân gây suy thoái và đề xuất các giải pháp bảo tồn đa dạng khu hệ chim có hiệu quả.

## **3. Ý nghĩa của đề tài**

### ***Ý nghĩa khoa học***

Đề tài là công trình đầu tiên tiến hành điều tra nghiên cứu có tính hệ thống về đa dạng sinh học khu hệ chim ở KBTN Vân long, tỉnh Ninh Bình. Các kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những dẫn liệu khoa học cơ bản phục vụ cho việc quy hoạch, xây dựng nguyên tắc, đề xuất giải pháp quản lý rừng, đa dạng sinh học, góp phần quản lý bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Ninh Bình nói riêng và các khu bảo tồn thiên nhiên khác có điều kiện tự nhiên và xã hội tương tự.

### ***Ý nghĩa thực tiễn***

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần đánh giá thực trạng đa dạng khu hệ chim tại khu bảo tồn đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần bảo tồn bền vững khu hệ chim. Đặc biệt đây là cơ sở xác định tiềm năng phát triển du lịch sinh thái quan sát chim ở khu bảo tồn trong tương lai.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Nghiên cứu chim trên thế giới

Hiện nay trên thế giới người ta đã thống kê được khoảng hơn 9700 loài chim khác nhau, trong đó bộ sẻ được coi là bộ giàu họ nhất với gần 30 họ. Một số loài ít họ là Bộ Ngỗng, Bộ Bò câu, Bộ Nước, Bộ Vẹt, Bộ Cúc cu có từ 1-2 họ. Tuy nhiên con số đó vẫn thay đổi theo thời gian bởi có nhiều loài mới được phát hiện thêm bên cạnh đó nhiều loài bị tuyệt chủng. Đáng chú ý là có nhiều loài được coi là đã tuyệt chủng thì mấy chục năm hoặc thế kỷ sau người ta lại phát hiện ra chúng và sự kiện đó người ta gọi là “sự hồi sinh” hay “phát hiện lại” [46].

Tại cuộc họp thường niên về hệ động vật có lông vũ của đời sống chim quốc tế người ta cho rằng gần đây mặc dù có sự xuất hiện trở lại của một số loài chim nhưng nhìn chung tình hình vẫn rất bi đát. Hiện nay trong tổng số 9775 loài chim thì có đến 1212 loài đang đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong khi khoảng 2000 loài khác đang trong tình trạng nguy cấp. Đặc biệt trong đó có 179 loài gần như bị tuyệt chủng, chim Sẻ ực đỏ Châu Âu (chỉ còn 300 cá thể là một ví dụ). Mất 50.000 giờ nghiên cứu ngoài trời tại 100 quốc gia, các nhà nghiên cứu đã thống kê được gần một nửa số lượng các loài thủy cầm đang bị giảm phần lớn là do tốc độ phát triển kinh tế và hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu. Trong 900 loài chim trên thế giới có 44% đang bị giảm, 34% khá ổn định, 17% đang trên đà tăng. Trong đó Châu Á là nơi có tốc độ giảm nhanh nhất với 62% số lượng các loài thủy cầm bị giảm hoặc bị tuyệt chủng, thứ hai là châu Phi (48%), tiếp theo là Châu Úc (45%), Nam Mỹ (42%) và Bắc Mỹ (37%) [46].

**Nghiên cứu chim ở Châu Á:** Theo thống kê của tổ chức Birdlife International thì Châu Á là lục địa có nhiều chim muông nhất, trong đó có 12% số loài đang bị đe dọa nghiêm trọng và sẽ đi đến chỗ tuyệt chủng trong Số hóa bởi trung tâm học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

vòng 10 năm tới nếu con người không có hành động bảo vệ nơi cư trú của chúng. Sau khi khảo sát tại 28 nước Châu Á từ Ấn Độ đến Nhật Bản, Birlife cho biết có khoảng 332 loài chim đang bên bờ tuyệt chủng. Khoảng 43% trong số 2.293 vùng cư trú của các loài chim nhất là rừng rậm không còn được chính quyền các nước bảo vệ. Cũng theo tổ chức Birlife International thì 41 loài chim ở Châu Á được liên đoàn bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) nói đến thì nay không chỉ có nguy cơ tuyệt chủng mà thực sự đã sắp biến mất hẳn. Về số lượng loài chim có nguy cơ tuyệt chủng thì Ấn Độ có 117 loài, Trung Quốc có 78 loài, Ấn Độ 73 loài, Philippin 70 loài. Đặc biệt Đông Nam Á là khu vực rất nguy hiểm cho chim [46].

**Nghiên cứu chim ở Châu Âu:** Tại Châu Âu các nhà nghiên cứu quan sát thấy một loài chim phân tách làm đôi, đó là loài chim đầu đen châu Âu (blackcap) thường sinh sản ở Áo và Đức thường bay tới những địa điểm khác nhau trong mùa đông: một nhóm bay về phương Nam tới Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Nam Phi và một nhóm bay về phương Bắc tới Anh và Ailen. Cũng tại Châu Âu người ta thấy loài Sẻ đồng (*Azores Bullfinch pyrrhula murina*) là loài chim hát hay và hiếm nhất ở đây đang bị suy giảm về số lượng và chỉ còn 300 con. Rất nhiều loài chim Châu Âu xuất hiện trong sách đỏ thế giới lần đầu tiên cũng đang suy giảm, điển hình là loài Sả Châu Âu (European Roller *coracias garrulus*) có quần thể chủ yếu ở Thổ Nhĩ Kỳ và Nga [46].

## 1.2. Lịch sử nghiên cứu chim Việt Nam

Việt Nam là một trong những khu vực có khu hệ chim phong phú và đa dạng bậc nhất Đông Nam Á. Tổng số loài chim được ghi nhận trong phạm vi toàn quốc từ 828 đến 888 loài [43]. Tuy nhiên đây là những con số đã được thống kê. Không thể đưa ra con số chính xác bởi có thể những loài đã được thống kê có thể đã bị tuyệt chủng, hoặc có những loài mới chưa được khám phá ghi nhận. Sự phong phú về chủng loại các loài chim Việt Nam là do kết

quả của sự phân hóa địa hình, khí hậu, môi trường sống.... trải dài từ Bắc tới Nam.

### **1.2.1. Nghiên cứu về chim rừng Việt Nam giai đoạn trước năm 1975**

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn này là công trình nghiên cứu về chim đều do các nhà khoa học nước ngoài thực hiện. Loài Gà rừng (*Gallus gallus*) là loài chim đầu tiên được nghiên cứu ở Việt Nam, tiêu bản mẫu thu được ở Côn Đảo và được nhà sinh vật học Line mô tả giữa thế kỷ XVIII [14].

Cuối thế kỷ XIX, các nhà khoa học nước ngoài có mặt ở Việt Nam đã bắt đầu các cuộc nghiên cứu chim trên phạm vi rộng với quy mô lớn. Năm 1872, danh sách chim Việt Nam gồm 192 loài được xuất bản lần đầu tiên với các lô mẫu vật do Pierier, giám đốc sở thú Sài Gòn thời bấy giờ sưu tầm và công bố (H. Jouan, 1972) [14].

Năm 1931, Delacour và Jabuille đã xuất bản công trình nghiên cứu tổng hợp về chim Đông Dương gồm 4 tập với 954 loài và phân loài (Delacour T. Et và Jabuille, 1931. Lesoiseaux de l'Indochine française, I-IV. Paris), trong đó có các loài chim của Việt Nam. Năm 1951, Danh lục chim Đông Dương được Delacour bổ sung và hoàn thành, xuất bản gồm 1085 loài và phân loài (J. Delacour, 1951) [14].

Năm 1954 miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đây là mốc quan trọng đánh dấu sự khởi đầu lịch sử nghiên cứu chim của Việt Nam, thời kỳ với các cuộc điều tra, khảo sát của các nhà nghiên cứu chim Việt Nam. Các công trình nghiên cứu đáng chú ý của các tác giả như Võ Quý (1962, 1966), Trần Gia Huân (1960, 1961), Đỗ Ngọc Quang (1965), Võ Quý và Anoro N.C (1967) [14].

Các công trình nghiên cứu đều đi sâu nghiên cứu về mặt khu hệ và phân loại mà ít chú ý đến đặc điểm sinh học và đặc điểm sinh thái của chúng.

Năm 1971, với sự tổng hợp các công trình nghiên cứu về đời sống của các loài chim phổ biến ở miền Bắc Việt Nam, Võ Quý đã cho ra công trình



“Sinh học của những loài chim thường gặp ở miền Bắc Việt Nam”. Trong sách tác giả có dẫn chứng đầy đủ về đặc điểm nơi ở, thức ăn, sinh sản và một số tập tính khác của gần 200 loài chim ở miền Bắc mà đa số là các loài có ý nghĩa về mặt kinh tế. Đây là công trình nghiên cứu về chim đầy đủ, có hệ thống và sát thực nhất giai đoạn này. Nhưng do đối tượng nghiên cứu rộng nên tác giả không thể nghiên cứu về nơi ở của chúng, đối với mỗi loài tác giả mới chỉ ra loại sinh cảnh, đai cao chúng sống mà chưa chỉ ra đặc điểm của sinh cảnh sống của chim như tổ thành thực vật, vị trí tầng tán yêu thích.vv [14].

### **1.2.2. Nghiên cứu về chim rừng Việt Nam giai đoạn sau năm 1975**

Sau chiến tranh giải phóng thống nhất đất nước, công trình “ Chim Việt Nam hình thái và phân loại (tập 1, 2)” của Võ Quý(1975, 1981) là công trình đầu tiên nghiên cứu về chim trên lãnh thổ Việt Nam về mặt sinh thái, phân loại và phân bố tự nhiên của các loài chim.

Cũng trong giai đoạn này cuốn sách “Danh mục chim Việt Nam” của Võ Quý, Nguyễn Cử năm 1995 ra đời, bản danh mục gồm 19 bộ, 81 họ và 828 loài chim đã tìm thấy ở Việt Nam tính đến năm 1995, với mỗi loài tác giả đã dẫn ra các đặc điểm về hiện trạng và vùng phân bố [14].

Sau nhiều năm nghiên cứu , năm 2007, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật đã xuất bản ấn phẩm “Động vật chí” trong tập 18 đã thống kê cả nước có khoảng 164 loài chim nước và di cư thuộc 68 họ, 5 bộ. Trong đó tác giả đã mô tả đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học, sinh thái học, vùng phân bố của các loài. Ngoài ra trong sách còn có các hình vẽ màu các loài chim nước giúp độc giả dễ dàng nhận biết [14].

Cho đến những năm gần đây nhiều dự án bảo tồn đa dạng sinh học của các nước như: Hà Lan, Đức, Anh, Úc, Mỹ... đã tài trợ vào Việt Nam. Các tổ chức phi chính phủ như: Tổ chức bảo tồn động thực vật quốc tế(FFI), Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF), Ngân hàng thế giới (WB) đã đầu tư vào Việt Nam và sau đó một loạt công trình Số hóa bởi trung tâm học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

nghiên cứu về động, thực vật hoang dã đã được xuất bản. Công trình nghiên cứu đầy đủ nhất về chim trong giai đoạn này là cuốn “Chim Việt Nam” do Nguyễn Cử, Lê Trọng Khải, Karen Philips (xuất bản năm 2000) cuốn sách này được biên soạn dựa trên cuốn “Chim Hồng Công và Nam Trung Quốc” (1994) của các tác giả Cliver Viney, Lan Chiu Ying, Karen Philips. Trong sách tác giả đã giới thiệu hơn 500 loài trong tổng số hơn 850 loài chim hiện có ở Việt Nam, mỗi loài trình bày các mục mô tả, phân bố, tình trạng, nơi ở và có hình vẽ màu kèm theo. Nói chung cuốn sách được biên soạn với mục đích chủ yếu giúp người đọc nhận dạng các loài chim ngoài thực địa [14].

### **1.2.3. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến chim rừng tại Việt Nam**

#### **1.2.3.1. Kết quả bước đầu nghiên cứu thành phần loài chim của khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Văn Bàn - tỉnh Lào Cai**

Đây là công trình do tác giả Lê Mạnh Hùng thực hiện vào tháng 3/2002 với sự phối kết hợp của các chuyên gia thuộc chương trình Birdlife quốc tế tại Việt Nam, Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật và Tổ chức bảo tồn động, thực vật quốc tế chương trình Đông Dương tại Việt Nam(FFI).

Bằng phương pháp điều tra thực địa thông thường hiện nay với các trang thiết bị nghe, nhìn, ghi âm hiện đại đến mức cho phép như ống nhòm, máy ghi âm, máy quay phim... các loài chim được điều tra bằng phương pháp quan sát và định loại qua tiếng kêu. Hằng ngày công việc tiến hành liên tục từ 6h00 đến 18h00. Sử dụng, các phương pháp khác nhau như Time speed count và advanded point count để xác lập danh lục chim tại các đai cao, sinh cảnh khác nhau. Tổng hợp, thống kê số liệu, sử dụng các tài liệu sách hướng dẫn để xác định, định loại, tên loài, thứ tự. Kết quả điều tra ghi nhận được khu hệ chim tại huyện Văn Bàn khá đa dạng và phong phú, đặc trưng cho khu hệ chim ở vùng núi Hoàng Liên Sơn phía bắc Việt Nam. Trong tổng số 156 loài chim ghi nhận, đã có 5 loài có mặt trong danh lục đỏ thế giới, 3 loài trong sách đỏ Việt Nam, 2 loài có vùng phân bố hẹp đặc

Số hóa bởi trung tâm học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>